

TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG HÙNG VƯƠNG VÀ VAI TRÒ HẠT NHÂN TRONG HỆ THỐNG GIÁ TRỊ VĂN HÓA VIỆT NAM

Bùi Quang Thanh^{1*}

¹*Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam*

* Email: thanhhaly@yahoo.com.vn

Ngày nhận bài: 29/10/2023

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 30/11/2023

Ngày chấp nhận đăng: 14/12/2023

TÓM TẮT

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên là hình thức sinh hoạt văn hóa mang tính phổ biến ở nhiều nước trên thế giới. Với người Việt, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, mà biểu hiện rực rỡ và sâu sắc nhất là tín ngưỡng thờ cúng các vua Hùng lại mang những nét bản sắc độc đáo, tạo ra nét riêng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Từ truyền thống mang tính đặc thù đó, nhiều giá trị văn hóa từ/về khởi nguồn dân tộc (thời đại các vua Hùng) đã được phôi thai, bồi đắp và kết tinh thành những giá trị và hệ giá trị văn hóa truyền thống Việt. Bài viết thông qua những khảo sát tư liệu liên quan đến sinh hoạt tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Phú Thọ, đi đến khẳng định một số giá trị và vai trò hạt nhân của các giá trị đó trong hệ giá trị văn hóa Việt Nam trên tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc.

Từ khóa: bản sắc, cố kết cộng đồng, cội nguồn, giá trị, kết tinh, thờ cúng, vua Hùng.

THE ESSENTIAL ROLE OF HUNG KINGS WORSHIP IN VIETNAM'S CULTURAL VALUE SYSTEM

ABSTRACT

Across the world, ancestor worship is a widely practiced. The belief in ancestor worship, of which the worship of the Hung Kings is the most brilliant and profound expression, has distinct identities for the Vietnamese people and contributes to the ethnic community's distinctive qualities. Many cultural values from the nation's beginnings (the Hung King era) were conceived, fostered, and crystallized into traditional cultural values and value systems from that special Vietnamese tradition. The article confirms a number of values and their centrality in the Vietnamese cultural value system to the nation's historical process of nation-building and nation-defense through surveys of documents pertaining to the religious activities of worshipping Hung Kings in Phu Tho.

Keywords: crystallization, identity, origins, principles, unity of the community, worship, Hung Kings.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thờ cúng tổ tiên là nét đẹp văn hóa, đồng thời cũng là hình thức sinh hoạt – thực hành

tín ngưỡng tâm linh của khá nhiều dân tộc, tộc người trên thế giới. Tuy nhiên, do sinh tồn trong những không gian cơ trú và sinh kế

khác nhau, do cung cách ứng xử với tự nhiên, xã hội và con người khác nhau mà các cộng đồng tộc người có những nhận thức, quan niệm về vũ trụ quan, nhân sinh quan khác nhau, từ đó dẫn đến những cách thức thực hành tín ngưỡng và sinh hoạt văn hóa khác nhau, trong đó có cung cách thờ cúng tổ tiên trên tiến trình lịch sử văn hóa dân tộc, tộc người. Chính vì vậy, quan sát quá trình thực hành nghi lễ thờ cúng tổ tiên và tâm thức của người thực hành, có thể thấy rằng, phong tục thờ cúng tổ tiên ở Việt Nam vừa có một số nét chung với văn hóa nhân loại, lại đa phần có những đặc trưng riêng, góp phần tạo nên bản sắc văn hóa dân tộc, tộc người. Từ truyền thống mang tính đặc thù đó, nhiều giá trị văn hóa từ/về khởi nguồn dân tộc (thời đại các vua Hùng) đã được phôi thai, bồi đắp và kết tinh thành những giá trị và hệ giá trị văn hóa truyền thống Việt. Việc thông qua những khảo sát tư liệu liên quan đến sinh hoạt tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên ở một số nước trong khu vực có nét văn hóa tương đồng với Việt Nam và nguồn tư liệu liên quan trực tiếp đến tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Phú Thọ để đi đến nhận diện và khẳng định một số giá trị cũng như vai trò hạt nhân của các giá trị đó trong hệ giá trị văn hóa Việt Nam trên tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước nhiều nghìn năm của dân tộc.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Tín ngưỡng dân gian và thực hành tín ngưỡng từ phạm vi gia đình đến dòng họ và rộng hơn nữa lan đến làng xã cũng như của chung cộng đồng xã hội (trường hợp tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương) chính là một loại hình và phương thức mang tính nguyên hợp rõ nét của văn hóa dân gian nói chung. Do vậy, để tiếp cận đối tượng này theo phạm vi chủ đề nêu trên, bài viết hướng tới sử dụng cách tiếp cận liên ngành với sự cộng hưởng kết quả xem xét, nhận diện từ các nguồn tư liệu gắn với các di chỉ ẩn chứa được đào lên từ lòng đất (khảo cổ học), các dấu tích mang dấu ấn thời đại các vua Hùng (sử học), các phong tục tập quán, nghi lễ làng xã (dân tộc

học) và các thành tố mang giá trị văn hóa từ các thần tích, thần phả, lễ hội cổ truyền trong đó các chủ điện thờ là các vua Hùng và những nhân vật cùng thời (văn hóa học – văn hóa dân gian)...

Để làm rõ và nổi bật được nét đặc sắc của các giá trị văn hóa và vai trò hạt nhân được kết tinh từ/trong thực hành tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương – di sản đã được UNESCO vinh danh và đưa vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại (2012), bài viết tiến hành vận dụng phương pháp tổng hợp và phân tích sự kiện, trong đó có sự đối chiếu sơ bộ cứ liệu từ các dân tộc/quốc gia có nét tương đồng văn hóa với Việt Nam (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc). Đó cũng là tiền đề để bước vào quá trình tiếp cận liên ngành với những phương pháp điều tra, quan sát, tham dự, phỏng vấn sâu, phân tích, luận giải, tổng hợp và luận bàn qua các nguồn tư liệu tương hỗ khác nhau để nhận diện các giá trị văn hóa được phôi thai – kết tinh từ thời đại các vua Hùng, khai mở cho tiến trình hình thành các giá trị – hệ giá trị gia đình, dòng họ và giá trị – hệ giá trị văn hóa quốc gia trên tiến trình lịch sử dân tộc.

3. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên hay tín ngưỡng thờ cúng những ông vua có công khai lập ra một quốc gia, một triều đại của một thể chế nhà nước thuở sơ khai là những nét sinh hoạt văn hóa mang tính tương đồng, dễ nhận thấy ở nhiều nền văn hóa, nhiều dân tộc khác nhau trên thế giới. Điều đó càng đặc biệt được thể hiện ở các nước có chung những đặc điểm lịch sử – xã hội hoặc môi trường sinh tồn giống nhau, gần gũi nhau.

Nhìn trong phạm vi châu lục, không khó để nhận biết nét tương đồng của loại hình sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng này giữa Việt Nam với các nước khác, chẳng hạn Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, hay ở các nước nhỏ bé thuộc vùng Đông Nam Á từ lâu nay. Nếu như ở Việt Nam, tín ngưỡng thờ tổ tiên mà đại diện tối cao là vị thủy tổ khai sáng ra một quốc gia, một dân tộc, dường như là một

thứ tôn giáo, hiện diện trong không gian văn hóa của mọi gia đình hoặc làng/bản, thì với dân tộc Choang ở Quảng Tây, Trung Quốc, hiện tượng thờ Bồ Lạc Đà (một nhân vật thần thoại, có vai trò khai thiên lập địa, làm ra nước, lửa, dạy dân trồng lúa, dệt vải cùng các nghi lễ tâm linh,...) như một biểu tượng của ông tổ người Choang, có đáng đáp như tín ngưỡng phụng thờ Hùng Vương ở Việt Nam, cũng gắn tổ vào mừng mười tháng ba âm lịch hằng năm. Tuy nhiên, nhân vật thần thoại này chỉ được giới hạn tôn vinh, thờ cúng trong sinh hoạt tín ngưỡng của một bộ phận người Choang ở Quảng Tây, Trung Quốc, co cụm tụ cư trong một không gian hạn hẹp (La Thu Kiệt, 2006).

Với người Hàn Quốc, tục thờ cúng tổ tiên cũng được mọi gia đình hướng về nơi thực hành, thông qua các nghi lễ tưởng nhớ hương hồn các vị vua và các hoàng hậu Triều Joseon (1392 – 1910) tại Tông Miếu (thuộc Jongmyo) – nơi đặt bài vị thờ cúng của họ, được xây dựng vào năm 1395. Không phải ngẫu nhiên năm 2001, UNESCO đã xét duyệt và công nhận Nghi lễ Thờ cúng tổ tiên Hoàng gia và nhạc lễ của người Hàn Quốc là Kiệt tác Di sản truyền khẩu và phi vật thể của nhân loại. Trải qua hơn 600 năm, những nghi lễ được cử hành cùng nhạc lễ và múa nghi lễ ca ngợi công lao, chiến tích nội trị của những người sáng lập ra triều đại Joseon vẫn thường niên được duy trì, bảo tồn, thực hành theo nguyên dạng ban đầu (với hàng trăm chủ tế, nhạc công và chấp sự) một cách trang trọng và tráng lệ.

Tại Nhật Bản, lịch sử cội nguồn và ngày giỗ Tổ của đất nước hoa anh đào đã được ghi chép trong hai bộ sách Kojiki (Cổ sự kí) và Nihongi (Nhật Bản kí) do các sử gia của triều đình Nhật Bản thế kỉ VIII biên soạn. Lần theo

những mẫu thần thoại và truyền thuyết dân gian ghi trong hai bộ sách này, ngay từ thế kỉ VIII trước Công nguyên, vị vua Jimmu – Tenno đã được người dân Nhật Bản coi là người khai sinh ra đất nước mặt trời mọc, được dân cả nước khi đó tôn vinh và trân trọng gọi là Thần Vũ Thiên Hoàng. Chỉ có điều, đến giữa thế kỉ XIX, triều đình phong kiến Nhật Bản chính thức tổ chức giỗ vua Jimmu (với tên gọi Thần Vũ Thiên Hoàng đế) tại Hoàng cung, người dân không được phép tham gia. Phải đến những năm cuối thế kỉ XIX, chính phủ Minh Trị mới tổ chức thiết lập lại ngày lễ dựng nước, gọi là Tết Kỉ Nguyên, kỉ niệm ngày vua Jimmu lên ngôi, khai sinh ra nước Nhật cách ngày nay hơn 2.600 năm và dân chúng từ đó mới được phép vào dâng lễ cúng tế.

Trong khi đó, truyền thuyết dân gian đất Phong Châu đã từ nhiều nghìn năm qua vẫn liên mạch lưu truyền về sự hiện tồn của 18 đời vua Hùng, trong đó, vị vua Hùng đầu tiên đã có công dựng ra nhà nước Văn Lang đầu tiên trong lịch sử hình thành của cộng đồng Việt – Mường và sau đó là của cộng đồng quốc gia đa dân tộc Việt Nam¹. Ngược về quá khứ, các cứ liệu khảo cổ học cho thấy, sinh hoạt văn hóa từ buổi đầu dựng nước Văn Lang được khởi dựng đã tất yếu nảy sinh sự cổ kết các chòm xóm, quy tụ những thế hệ cùng chung huyết thống để tụ cư và ứng xử với sinh kế, đáp ứng cho nhu cầu sinh tồn quanh vùng đất bán sơn địa bên thềm các con sông lớn vốn được phân nhánh từ dòng Nhị Hà uốn lượn qua vùng đất này (sông Lô – sông Đà – sông Thao). Và trong khoảng lịch sử nhiều trăm năm này, vai trò thủ lĩnh của một cộng đồng giữ vị thế chủ đạo về các lĩnh vực khai khẩn đất hoang, chống cản thù dữ, ngăn chặn sự xâm lấn của các cộng đồng

¹ Từ cuối những năm 60 đến đầu những năm 70, thế kỉ XX, trải qua quá trình nghiên cứu toàn diện về thời đại Hùng Vương, kết quả nghiên cứu đã phản ánh sự nhất trí của giới khoa học liên ngành về thời đại lịch sử khởi nguồn này. Bộ *Kỷ yếu Hùng Vương dựng nước (4 tập)* tập hợp các báo cáo và tham luận khoa học, đã ghi nhận những thành tựu nhất định, góp phần quan trọng khẳng định sự tồn tại thời đại Hùng Vương trong lịch sử. Tham khảo thêm: *Thời đại Hùng Vương* (Văn Tân, Nguyễn Linh, Lê Văn Lan, Nguyễn Đồng Chi, Hoàng Hưng), tái bản năm 2007, Nxb Văn học, tr.28-39.

ngoại lai, đáp ứng khả năng an ninh để cùng sinh tồn và phát triển. Có lẽ, xuất phát từ thực tế đương thời này nên việc tôn vinh, tuân thủ theo ngọn cờ của một thủ lĩnh lớn như các vua Hùng – những thế hệ đầu tiên đã được hình thành, khởi phát từ các làng Cổ Tích, Hy Cương, những không gian cư trú vào loại sớm nhất của cộng đồng dân chúng vùng đất rộng lớn và nằm ở vị trí trung tâm của nhà nước Văn Lang. Một số truyền thuyết truyền kể về sự sắp đặt vai trò thủ nhang cho không gian thiêng thờ phụng trên núi Nghĩa Lĩnh trước hết và kéo dài lâu bền nhất trong lịch sử thời các vua Hùng lại thuộc về cư dân hai làng Cổ Tích và Hy Cương cho đến thời kì lịch sử đương đại sau này. Và cũng qua sự tôn sùng, tôn vinh và tri ân các thế hệ thủ lĩnh của bộ lạc, tiến dần lên ngôi vị trị vì một quốc gia – nhà nước mang danh mười tám đời các vua Hùng đã nối kết và trở thành biểu tượng chung của các cộng đồng khác trên phạm vi và khả năng mở mang bờ cõi của cộng đồng dân tộc. Chính sự khởi phát và gắn kết giữa cộng đồng làng (Cổ Tích – Hy Cương) với vị thế của các thủ lĩnh đã dần dần trở thành mối liên kết gắn gũi đến mức thân gần, quen thuộc giữa cộng đồng với thủ lĩnh tối cao của một nhà nước đang ngày càng lớn mạnh và phát triển. Đó cũng chính là “chất keo văn hóa” ban đầu đủ sức mạnh tuy vô hình nhưng đầy sức cuốn hút, quy tụ sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng thờ cúng các vua Hùng (giống như nơi hiện tồn của Tông Miếu bên Hàn Quốc, hay đền Kashihara linh thiêng của người Nhật Bản). Để rồi, qua tâm thức hướng tâm về cội nguồn (biểu tượng thống soái một nhà nước) của người Việt – Mường xưa, tín ngưỡng tôn sùng tôn thờ một thủ lĩnh đã dần dần chuyển biến thành tâm thức tri ân, phụng thờ, thờ cúng tổ tiên từ cuối thời đại Hùng Vương cho đến sau này, mà đỉnh cao là biểu tượng tín ngưỡng thờ các vua Hùng, lan tỏa từ trung tâm kinh đô Văn Lang để đến với mọi gia đình tại khắp các làng bản. Cũng

nhờ sự gắn kết, gắn gũi giữa cộng đồng làng bản (Cổ Tích – Hy Cương như những đại diện sớm nhất) với các nhân vật được tôn sùng và thần thánh hóa sau đó mà trong sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng của cư dân vùng đất Văn Lang này, người dân đã “binh dân hóa” hình tượng các Đức Vua, đón vọng linh các Đức Vua (bài vị) về phối thờ trên cùng ban thờ Tổ tiên (huyết thống – trực hệ) của dòng họ mình, gia đình mình, tạo nên sự gắn gũi thường nhật, can dự vào mọi hành vi, hoạt động của con người trên bước đường làm ăn, đấu tranh sinh tồn qua hàng nghìn năm lịch sử. Khá nhiều gia đình tại khu vực Việt Trì (quanh đền Hùng Lô) và vùng đất Cẩm Khê, Tân Lập thuộc tỉnh Phú Thọ những năm đầu thế kỉ XXI vẫn duy trì trên ban thờ gia đình mình bát nhang phụng thờ các vua Hùng, cúng bái vào các ngày lễ trọng và chính ngày giỗ của Đức vua theo quy định từ thời Tuần phủ Phú Thọ ban hành (1917) cho đến sau này. Và như vậy, ngay từ buổi lịch sử thuở thiếu thời, trong tâm thức người Việt, các vị vua Hùng, những người luôn được coi là đối tượng có công khai mở quốc gia, dân tộc, luôn được trân trọng, nhưng không bao giờ chiếm thế độc tôn, duy nhất tại bất kì không gian sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng nào².

Chính từ không gian văn hóa liên thông này, trong tâm thức bao đời, ý thức dân tộc và ý thức lịch sử, sự quý trọng vĩ nhân và ước nguyện cộng đồng, trong tư duy văn hóa người dân qua hàng nghìn năm, luôn luôn hòa quyện, phối nhập một cách hồn nhiên, hình thành nên một lễ sống, một đạo lí tri ân, mang tính truyền thống đối với các bậc tiền nhân của cộng đồng dân tộc, bất chấp mọi thăng trầm của lịch sử và thời gian xô đẩy. Cũng bởi vậy, dõi theo suốt dọc dài lịch sử, với người Việt Nam, một cá nhân, dù công lao có lớn lao đến mấy, muốn tồn tại trong tâm thức dân gian, tất phải hóa thân vào cộng đồng, lấy cộng đồng làm gốc để tạo đà sinh ra các giá trị văn hóa, được đời đời vinh danh.

² Theo số liệu thống kê của Cục Văn hóa cơ sở – Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Việt Nam, năm 2005.

Xuất phát từ thực trạng trên, có thể thấy rằng, ngay từ chặng khởi nguồn hình thành và tồn tại của nhà nước Văn Lang, những tín ngưỡng sơ khai thờ cúng các vua Hùng và các nhân vật liên quan đến thời đại các vua Hùng, đã bắt nguồn từ tâm thức tôn sùng và tri ân các thủ lĩnh đã có công tiên phong khai phá, mở mang và phát triển cộng đồng làng bản nói riêng và cộng đồng quốc gia (chinh phục, thuần phục các làng bản khác lan tỏa ra khắp vùng theo biên độ hình thành của cương vực quốc gia) để rồi dần hình thành nên ý thức hướng về cội nguồn, sáng tạo ra tục thờ cúng tổ tiên của cư dân Việt – Mường, thể hiện sự nối kết tâm thức tri ân lớp người khai sáng cho gia đình, dòng tộc, thôn/bản và cao hơn cả là tri ân những người có công khai phá, tạo lập cộng đồng, vượt qua mọi thử thách của tự nhiên khắc nghiệt và các thế lực ngoại xâm, đặt nền móng cho sự liên kết sức mạnh cộng đồng, vươn tới đỉnh cao là ý thức tự hào và tâm nguyện cùng cố, bảo vệ một quốc gia, một dân tộc.

Trải qua tiến trình vận động, biến đổi của lịch sử, nhận thức về lịch sử, về vị thế của đất – nước, nơi tụ cư của cộng đồng, dần dần được nâng cao. Những bài học về sự thành – bại, được – mất trong quá trình ứng xử với tự nhiên và xã hội đã là những cơ sở cốt lõi giúp cho cộng đồng đúc kết nên những kinh nghiệm – chuẩn mực sinh tồn, gìn giữ và khai thác những yếu tố đắc dụng và loại trừ những thành tố khả biến ngáng trở, phục vụ hữu ích cho sự tồn tại và phát triển của cộng đồng trước mọi nguy cơ, thách đố của tự nhiên và lịch sử. Cũng từ thực tiễn của thời đại dựng nước được cô đọng lại thông qua các biểu tượng văn hóa nói chung và thực hành tín ngưỡng bản địa nói riêng, thứ tâm thức và ý thức hướng về cội nguồn, tri ân tổ tiên đã phối kết để hình thành và tô đậm một thứ đạo lý “uống nước nhớ nguồn” và cũng chính là giá trị chuẩn mực bền vững nối kết qua các thời kì lịch sử khác nhau với các môi trường văn hóa và tư tưởng so lệch nhau, trở thành hệ giá trị văn hóa quốc gia mang tầm thế kỉ.

Và như vậy, ngay từ những niên kỉ đầu tiên sau thời đại các vua Hùng, tín ngưỡng tri ân, tôn vinh các thế hệ tiền nhân đã được thể hiện qua hàng loạt hành vi thực hành nghi lễ, lễ hội trong hàng loạt cộng đồng làng/xóm đã xác lập và tô đậm thành thói quen những hoạt động đời thường, theo những chuẩn mực văn hóa – xã hội được cộng đồng chấp thuận, duy trì, từ thế hệ này đến thế hệ khác. Nhìn trong phạm vi gia đình và dòng họ huyết thống, đó là những chuẩn mực quan hệ ngày một bền chặt theo chế độ phụ hệ cùng sự liên minh mang tính huyết thống. Không phải ngẫu nhiên mà các vua Hùng một khi được thờ phụng tại từng gia đình, từng dòng họ luôn được tôn cao ở vị thế của Đức Vua Cha, cho dù có mở rộng đến phạm vi cộng đồng làng/xóm với vị thế thành hoàng, hoặc lan tỏa vào sinh hoạt tâm linh các dân tộc khác trên con đường chinh phục – thu nạp để hình thành – mở rộng cộng đồng quốc gia đa dân tộc, chung quy vẫn là biểu tượng mang tính khái quát cho chuẩn mực đạo đức – luân lí, và cao hơn cả là đạo lí, cần được tuân thủ và thực thi trong mọi hình thức tế lễ cùng sinh hoạt thường nhật.

Từ những cứ liệu khoa học chính xác, đích thực (khảo cổ học) cùng các cứ liệu phong tục, nghi lễ (dân tộc học) và văn chương dân gian, này sinh, trao truyền và bồi đắp từ thời đại vua Hùng cho đến sau này (hoặc phản ánh về thời đại đó), đã cho phép chúng ta nhận diện bước đầu: nhà nước Văn Lang mà hạt nhân là các làng bản người Việt – Mường thời các vua Hùng được hình thành và tồn tại trong một không gian văn hoá đặc sắc là trung du và châu thổ Bắc Bộ, qua thử thách và va đập với các mối quan hệ tự nhiên – xã hội, đã dần định hình được một nếp sống và phong cách sống tương ứng, phù hợp để tồn tại và phát triển. Cũng từ cái nôi chung là nhà nước Văn Lang dưới thời các vua Hùng, hạt nhân xã hội là các gia đình người Việt – Mường đã trở thành nơi sinh thành trực tiếp và cũng là nơi ấp ủ, nuôi dưỡng, trao truyền các đạo lí mang tính trực hệ, huyết thống, hòa kết với đạo lí chung của cộng đồng, trở thành

những giá trị mang phẩm chất đạo đức được bồi đắp, tu dưỡng qua các điều kiện xã hội khác nhau để chất lọc nên hệ giá trị bao gồm các yếu tố cần cù trong lao động, yêu thương trong quan hệ, hướng tâm theo cội nguồn, luôn tri ân những thế hệ tiền nhân có công với dân, với nước. Những phẩm chất văn hoá qua lối sống đó trong lịch sử đã tạo ra những chuẩn mực văn hóa sơ khai cho nét tính cách của người Việt – Mường cổ xưa, biết thính nhạy với mọi ứng xử quan hệ để vươn lên cùng tồn tại. Điều đó, theo nhìn nhận của lớp người đương đại, là cốt lõi bản địa của một thứ “gia phong” sâu rễ bền gốc, đóng vai trò vô cùng quan trọng cho sự tồn tại của gia đình người Việt thuở ban đầu dựng nước và giữ nước, hình thành nên những nét truyền thống quý báu, định hình như những hệ thống giá trị văn hóa bền vững, được truyền lại cho đời sau học tập, gìn giữ, noi theo. Minh giải bởi sắc thái “gia phong” được xác lập như những chuẩn mực mang giá trị văn hóa có cội rễ từ rất sớm này, chúng ta mới có thể góp phần lí giải cho hàng nghìn năm lịch sử về sau, người Việt vẫn giữ được nếp sống bản địa của mình, chống mọi tư tưởng đồng hoá và thống trị về văn hoá của các thế lực ngoại xâm phương Bắc và phương Tây (Bùi Quang Thanh, 2008).

Và cổ nhiên, mọi chuẩn mực (dù ở dạng sơ khai) muốn ngưng đọng để làm nên giá trị văn hóa gia đình đều tất yếu phải nằm trong sự gắn kết với sự tồn tại của dòng họ, xóm làng và rộng hơn là cộng đồng dân tộc. Trong thực tế, tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương tồn tại và duy trì thực hành thường niên chính là nhịp cầu thiêng của những sáng tạo văn hóa kế tiếp nhau của nhiều thế hệ, được nối kết liền mạch từ nề nếp gia đình đến lệ làng và thiết chế văn hóa quốc gia, qua nhiều nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước của người Việt – Mường nói riêng và cộng đồng quốc gia đa dân tộc nói chung. Xuyên suốt những tháng năm trường kì lịch sử đó, giá trị văn hóa cổ kết cộng đồng được thiết lập, kết nối thông qua hàng loạt các hình thức thực hành tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương, từ

trung tâm Nghĩa Lĩnh đến các làng bản, dòng họ, gia đình vùng trung châu và lan tỏa ra hầu khắp mọi miền đất nước sau này, trở thành một hằng số văn hóa, một mẫu số chung trong hệ thống các giá trị văn hóa mang bản sắc Việt Nam.

Trước hết, đó là sự sáng tạo một hệ thống huyền thoại về ông Tổ của một cộng đồng, một tộc người, một quốc gia. Nói đến tín ngưỡng là nói đến niềm tin vào nhân vật được phụng thờ. Nhân vật phụng thờ của tín ngưỡng bao giờ cũng được đẩy vào/lên cõi thiêng vừa huyền ảo, vừa kì bí. Và con đường “thiên hóa” nhân vật phụng thờ sẽ là con đường người dân trong trường kì lịch sử đã lịch sử hóa hoặc huyền thoại hóa nhân vật phụng thờ. Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương là kết quả của quá trình lịch sử hóa và huyền thoại hóa đan xen một cách hài hòa. “Hội quang của lịch sử” – chữ dùng của Tạ Chí Đại Trường, khiến cho quá trình lịch sử hóa nhân vật phụng thờ này càng đậm chất lịch sử. Dễ nhận thấy, trên dải đất Việt Nam, khó có nơi nào có thể có một vị thế địa lịch sử – văn hóa như tỉnh Phú Thọ để có cơ hội cho quá trình lịch sử hóa nhân vật phụng thờ phát triển. Nhà nghiên cứu lịch sử Tạ Chí Đại Trường có một nhận xét hết sức thú vị: “Nhu thế kí ức tập thể của dân chúng đã lưu giữ hình ảnh về những người cầm đầu một vùng đất nước trước thời ngoại thuộc (trong một hình thức tập hợp chính trị nào đó) mà những dạng thức tương tự, có co rút, có biến đổi một chừng mực – vẫn còn lưu giữ trong suốt thời Bắc thuộc và về sau, khiến cho kí ức thêm củng cố, bền vững” (Tạ Chí Đại Trường, 2006, tr.133). Quá trình huyền thoại hóa là cơ sở tạo ra một kho tàng văn hóa dân gian nói chung, huyền thoại nói riêng ở Phú Thọ. Lấy biểu tượng chung về cội nguồn là các vua Hùng, trải khắp các vùng đất Nghĩa Lĩnh, Việt Trì, Lâm Thao... đã “xuất hiện dày đặc những truyền thuyết, cổ tích, thần tích về 18 đời vua Hùng... Hội hè ở đây cũng là những cuộc tế lễ, những diễn xướng dân gian xung quanh các sự tích liên quan đến chủ đề dựng

nước – giữ nước. Ở đây còn có nhiều hình thức hát múa, lễ thức, phong tục gắn với cuộc sống xa xưa nhất như múa tung dí, rước tiếng hú, tế nõ nường, rước ông Khiu, bà Khiu, tiệc trâu, tiệc bánh giầy, bánh mật ...”³. Cả hai quá trình này tương tác lẫn nhau, càng làm cho nhân vật phụng thờ của tín ngưỡng càng thêm thiêng liêng, trở thành những biểu tượng vô hình nhưng đủ sức mạnh quy tụ, vận hành, điều chỉnh, liên kết mọi hành vi trong cộng đồng hướng theo mục đích chung nhất của tiến trình dựng nước và giữ nước của dân tộc trong lịch sử. Trong tâm thức dân gian của cộng đồng cư dân Phú Thọ, Hùng Vương vừa là vị thủy tổ, vừa là thánh vương, vừa là người lập nước nhưng cũng là người chăm lo cuộc sống cho dân, vừa thiêng liêng lại gần gũi, có mặt với cộng đồng ở mọi tình huống của cuộc đời của mỗi con người, trong cuộc sống của cộng đồng theo vòng quay của thiên nhiên của mùa vụ. Vì thế, người dân làng Trẹo (nay thuộc thị trấn Hùng Sơn, huyện Lâm Thao), hằng năm có lễ hội rước Hùng Vương từ các ngôi đền trên núi Nghĩa Lĩnh về làng ăn Tết vào ngày 24 tháng Chạp. Người dân Hùng Lô (Việt Trì) coi Đức vua Hùng vừa là ông vua của cả nước, vừa là thành hoàng làng mình. Bởi họ coi các vua Hùng như một thành viên không thể thiếu vắng trong dịp dân làng ăn Tết Nguyên đán, vua Hùng trong tâm thức dân làng chính là người khai phá, lập làng, phù hộ độ trì cho dân làng làm ăn phát đạt, con cháu các đời phượng trưởng, duy trì và phát triển giống nòi... Xuất phát từ thực tế sáng tạo và thực hành tâm linh tại hàng loạt làng bản quanh vùng đất do sông Thao, sông Lô, sông Đà đan nối bồi tụ nên, dễ dàng nhận thấy, ngay từ thuở sơ khai của nhà nước Văn Lang, người dân Việt – Mường đã sớm xác lập một biểu tượng văn hóa – lịch sử cho sự cổ kết cộng đồng, trở thành một sáng tạo văn hóa đặc sắc và độc đáo qua trường kì lịch sử, sáng tạo này

mang tầm kiệt tác của nhân loại. Cũng từ đây, nhờ có kho tàng văn hóa dân gian – từ truyền thuyết đến lễ hội, từ ẩm thực đến nghi lễ liên quan đến Hùng Vương, được dân gian sáng tạo và lưu truyền đã là những chất keo văn hóa gắn kết vận mệnh từng cộng đồng làng bản với nhau trong mối quan hệ chung của vận mệnh toàn dân tộc. Giá trị văn hóa đặc sắc đó chính là hạt nhân tạo ra sự đồng thuận cộng đồng, tạo ra sức mạnh vô địch cho toàn dân tộc trước mọi thử thách của tự nhiên và xã hội, đủ sức đề kháng, chiến thắng mọi kẻ thù ngoại xâm và kẻ thù xâm hóa văn hóa qua nhiều nghìn năm trong lịch sử.

Không phải ngẫu nhiên hàng loạt các lễ hội ở các xã vùng ven di tích đền Hùng như: lễ hội rước chúa gái và rước vua về ăn Tết của hai làng Vi, Trẹo (nay thuộc thị trấn Hùng Sơn, huyện Lâm Thao), lễ hội đánh phết của Sơn Vi (Tứ Xã, huyện Lâm Thao), lễ hội cúng 100 con gà sống của xã Phù Ninh (huyện Phù Ninh), lễ hội trò trắm của xã Tứ Xã (huyện Lâm Thao), lễ hội xuống đồng cấy lúa của xã Hy Cương, Minh Nông và lễ hội rước thành hoàng là vua Hùng của làng Hùng Lô (thành phố Việt Trì), lễ hội hát xoan (Kim Đức), lễ mừng xuân với Đức Vua ở xã Tiên Kiên (huyện Lâm Thao), lễ hội giã bánh giầy, nấu bánh chưng ở xã Kim Đức (Phù Ninh) để dâng cúng vua Hùng, lễ hội kén rể cho công chúa Ngọc Hoa tại xã Chính Nghĩa (thành phố Việt Trì), lễ hội ném chài xã Vân Phú (thành phố Việt Trì) diễn lại sự tích vua Hùng đi săn, và đặc biệt là lễ hội đền Hùng và ngày giỗ Tổ Hùng Vương mừng mười tháng ba âm lịch hằng năm tại trung tâm Nghĩa Lĩnh linh thiêng, v.v... Cho dù chủ thể văn hóa là dân một làng hay dân liên làng/siêu làng, thậm chí của cả vùng hay mang tầm quốc gia, nhưng bao giờ không gian văn hóa thiêng cũng được rộng mở để đón nhận sự tham gia của người dân trong cộng đồng các dân tộc nói chung (Nguyễn Chí Bền & Bùi Quang Thanh, 2012).

³ Xã luận của Tân Hoa Xã tân văn cáo, Số 2147, năm 1956; Tư liệu của dự án Xây dựng hồ sơ Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Phú Thọ, Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam, bản thảo vì tính.

Nếu như đặc trưng của nền văn hóa Việt lúa nước là văn hóa làng thì tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương đã xác lập được giá trị khâu nối, liên kết sức sống của văn hóa làng trong không gian văn hóa cộng đồng quốc gia đa dân tộc trên tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước. Giá trị liên kết cộng đồng đó đã là hạt nhân tạo ra sức mạnh cho khối đoàn kết đại dân tộc xuyên suốt chiều dài lịch sử, được các triều đại quân chủ phong kiến khai thác, tô đắp và nâng cao thành các thiết chế văn hóa – chính trị, trở thành sợi dây thiêng gắn kết cá nhân – gia đình – làng xã – Tổ quốc để tạo ra giá trị chung cho ý thức cộng đồng và tinh thần đoàn kết bền vững mang bản sắc Việt Nam.

Cũng từ ý niệm chung về đạo lí “uống nước nhớ nguồn”, tri ân những người có công với dân, với nước và hướng về nguồn cội, môi trường văn hóa – xã hội thời đại Hùng Vương đã làm “bệ đỡ” cho tâm thức cộng đồng trong việc khái quát những ý niệm lịch sử, những đức kết từ ứng xử với ngoại bang và thiên nhiên khắc nghiệt trong quá trình làm ăn và sinh tồn, thành những biểu tượng sinh động cho sức mạnh và nhân cách người Việt. Đó là ba biểu tượng kiểu mẫu liên quan đến các vua Hùng, trở thành “hàng số” văn hóa trong thế giới tâm linh Việt. Sự bắt tử của Sơn Tinh, Thánh Gióng và Chử Đồng Tử chính là sự thể hiện cho những hàng số giá trị văn hóa mang tính khái quát nhất, được sáng tạo từ/về thời đại các vua Hùng, được tôn tạo, bồi đắp thêm qua thực tiễn vật lộn với lũ lụt, chống trả ngoại xâm để làm ăn và duy tồn nòi giống. Từ những giá trị văn hóa “cốt lõi” của từng biểu tượng được cộng đồng tôn vinh, thờ phụng (Chử Đồng Tử biểu tượng cho sự sáng tạo trong lao động đời Hùng Vương thứ ba, Thánh Gióng biểu tượng cho sức mạnh chống ngoại xâm đời Hùng Vương thứ sáu, Sơn Tinh biểu tượng cho sức mạnh chống lũ lụt đời Hùng Vương thứ mười tám), người dân qua thực tiễn lịch sử, vẫn luôn luôn có ý thức “hoàn thiện” cho sức mạnh và vẻ đẹp của người anh hùng. Không phải ngẫu nhiên

mà Sơn Tinh vừa là biểu tượng cho sức mạnh chống lũ lụt của cộng đồng, được vua Hùng nhận làm con rể, vừa là bộ tướng, tham gia cùng vua Hùng dẹp giặc ngoại xâm. Cũng như thế, Thánh Gióng theo cảm nhận và ý thức suy tôn của cộng đồng, không chỉ là biểu tượng bắt tử cho sức mạnh cùng tầm vóc và uy lực đoàn kết người dân vùng trung châu chống ngoại xâm, mà còn là anh hùng giúp dân ven sông Hồng diệt trừ thủy quái, cứu mẹ, cứu dân, thể hiện đức tính hi sinh vì hiếu nghĩa, lòng thương người hoạn nạn (Bùi Quang Thanh, 2010). Chử Đồng Tử không chỉ là biểu tượng cao đẹp trong tình yêu thời dựng nước, mà còn là biểu tượng cho sự năng động trong lao động làm ăn buôn bán, khai mở cho cộng đồng hướng về biển Đông thông thương, tìm đường làm ăn cho dân tộc – một biểu tượng khai phá kinh tế – hàng hóa mang tính thời đại đến nay như còn nguyên giá trị. Và như vậy, với tâm thức luôn luôn muốn người anh hùng dân tộc được hoàn thiện để bắt tử, cộng đồng dân chúng ở hầu khắp các làng quê thường trực hướng về các biểu tượng văn hóa cao cả này như hướng về giá trị văn hóa cội nguồn một cách trung thành, bất biến, kế tiếp nhau từ thế hệ này qua thế hệ khác.

4. KẾT LUẬN

Như thế là, trải qua những tháng năm khởi đầu lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, thời đại Hùng Vương đã được xác lập, dựng ra nhà nước Văn Lang cùng các thiết chế văn hóa – xã hội sơ khai, đủ sức khẳng định sự tồn tại, hiện hữu của một nhà nước - dân tộc trước những thử thách khắc nghiệt của tự nhiên và ngoại thù. Từ trong quá trình cạo sát lịch sử thấm đầy máu và nước mắt ấy, cộng đồng người Việt – Mường đã sáng tạo cho mình những hình thức sinh hoạt văn hóa độc đáo, kí thác lại cho đời sau những nếp sống, thói quen, vừa hư ảo, vừa hữu hình, dần tạo thành truyền thống mang những giá trị cốt lõi, hạt nhân, được bảo tồn, vun đắp và kế tiếp nhân lên qua suốt chiều dài lịch sử. Hàng loạt các biểu tượng nhân sinh (vừa huyền

thoại vừa lịch sử) được sáng tạo và thực hành qua tín ngưỡng thờ phụng các vua Hùng và các nhân vật liên quan, đã là những phương tiện văn hóa sinh động, linh thiêng góp phần tích hợp nên các giá trị văn hóa bền vững, khai mở cho bước đường hình thành nên hệ thống giá trị văn hóa Việt Nam.

Những biểu hiện của lòng tự hào về nguồn cội dân tộc, hướng đến đạo lí tri ân các anh hùng có công với dân với nước, gắn chặt cùng lòng yêu mảnh đất đã từng được thử thách trong thế ứng xử với lũ lụt khắc nghiệt, với ngoại xâm bạo tàn, để từ đó xây tạo sự cố kết cộng đồng để làm ăn và tồn tại,... Tất cả những kết tinh nhân văn sinh động đó đã hun đúc nên các giá trị văn hóa mang tính khởi nguồn, làm hạt nhân cho sự hình thành và phát triển các hệ giá trị văn hóa Việt Nam. Không phải ngẫu nhiên mà khi hướng đến việc “Xây dựng một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, Nghị quyết Trung ương V (khóa VIII) của Đảng Cộng sản Việt Nam đã liệt kê ra năm giá trị bền vững, được vun đắp trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc là: lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc; tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng (gắn kết cá nhân – gia đình – làng xã – Tổ quốc); lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lí; đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1998).

Ngược về cội nguồn dân tộc, không khó để nhận ra những thành tố của hệ thống giá trị văn hóa bền vững trên đây vốn đã được phơi thai, hình thành và hiện hình qua các biểu tượng, các phương tiện văn hóa từ thời đại các

vua Hùng, trở thành cốt lõi văn hóa hằng xuyên, được các thế hệ nối tiếp nhau trao truyền, kế tiếp và phát triển. Đã nhiều nghìn năm trôi qua, những giá trị văn hóa đó càng được tô đậm thêm, vừa thể hiện bản sắc văn hóa độc đáo Việt Nam, vừa mang tầm ý nghĩa văn hóa nhân loại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bùi Quang Thanh. (2008). Gia phong và vai trò của gia phong trong giáo dục gia đình Việt Nam, trong *Văn hóa dân gian Việt Nam – một cách tiếp cận*. Hà Nội: Nxb Khoa học Xã hội.
- Bùi Quang Thanh. (2010). Thánh Gióng – Thiên tráng ca sức mạnh và nhân cách người Việt. *Tạp chí Văn hóa Dân gian*, Số 6-2010.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (1998). *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khóa VIII*. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia.
- La Thụ Kiệt. (2006). *Bố Lạc Đà (Bu Luo Tuo) và ngôi nhà tinh thần của dân tộc Choang (Zhuang)*. Học viện Quản lí công cộng, Trường Đại học Quảng Tây. (Bản dịch: Nguyễn Thị Lê, lưu tại Thư viện Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam).
- Nguyễn Chí Bền & Bùi Quang Thanh. (2012). *Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương*. Hà Nội: Nxb Văn hóa Thông tin.
- Tạ Chí Đại Trường. (2006). *Thần, Người và Đất Việt*. Hà Nội: Nxb Văn hóa Thông tin.